TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY TNHH CẢNG CONTAINER QUỐC TẾ TÂN CẢNG HẢI PHÒNG
SAIGON NEWPORT CORPORATION
TAN CANG HAI PHONG INTERNATIONAL CONTAINER TERMINAL CO. LTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/No: 251 /QyĐ-HICT

Cát Hải, ngày 01 tháng 03 năm 2023
Cat Hai, 01 / 03 / 2023

QUY ĐỊNH/ *REGULATION*

Tiếp nhận và xếp dỡ container chuyên dụng có hàng, container quá khổ, quá tải, hàng kiện rời tại Cảng Container quốc tế Tân Cảng Hải Phòng

Of Receiving and handling special-purpose laden containers, oversize/overweight laden containers and break bulk at Tan Cang Hai Phong International container Terminal

Căn cứ đặc trưng kỹ thuật của trang thiết bị xếp dỡ và thực tế sản xuất tại Cảng container quốc tế Tân Cảng Hải Phòng;

Based on the technical characteristics of the equipment, and the actual production at the Tan Cang Hai Phong International Container Terminal;

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ; thống nhất trong tổ chức thực hiện và bảo đảm an toàn trong sản xuất;

In order to further improve the quality services, unify the organization of implementation, and ensure safety in production;

Tổng giám đốc Công ty TNHH Cảng container quốc tế Tân Cảng Hải Phòng ban hành "Quy định về việc tiếp nhận và xếp dỡ container chuyên dụng có hàng, container quá khổ, quá tải, hàng kiện rời tại Cảng Container quốc tế Tân Cảng Hải Phòng".

General Director of Tan Cang Hai Phong International Container Terminal Co., Ltd to issued "Regulation of Receiving and handling special-purpose laden containers, oversize/overweight laden containers and break bulk at Tan Cang Hai Phong International Container Terminal";

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2023, thay thế cho quy định số 231020-01/QĐ-HICT ban hành ngày 23/10/2020.

This Regulation takes effect from March 1, 2023, replacing regulation No.231020-01/QD-HICT issued on October 23, 2020.

Chương I/ *Chapter I*

QUY ĐỊNH CHUNG

GENERAL PROVISIONS

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Article 1. Definitions and terms

Trong phạm vi quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Within this regulation, these terms shall be comprehended as follows:

1. Container In-gauge (ING): là container chuyên dụng (flatrack, platform, open-top) chứa hàng hóa mà không có kích thước nào của hàng hóa vượt quá kích thước tiêu chuẩn của container.

In-gauge Container (ING): refer to special-purpose containers (flatrack, platform and open-top) that contain cargo not having any dimensions exceeding those of standard containers.

2. Container Out of gauge (OOG): là các container chuyên dụng (flatrack, platform, open-top) chứa hàng hóa mà có ít nhất một trong các kích thước của hàng hóa vượt quá kích thước tiêu chuẩn của container.

Oversize/overweight Container (OOG): refer to special-purpose containers (flatrack, platform and open-top) that contain cargo having at least one dimension exceeding those of standard containers.

3. Container chuyên dụng chứa hàng hóa có giá trị cao: là container ING hoặc OOG chứa hàng hóa có giá trị cao và dễ hư hỏng trong quá trình xếp dỡ, bảo quản như du thuyền, máy bay, máy móc và các loại phương tiện vận tải chuyên dụng, v.v…

Special-purpose container containing high value cargo: refer to ING or OOG container containing cargo that is attributable to high value and susceptible to damage during handling, storage such as yachts, airplanes, machinery and specialized transport vehicles, etc…

4. Hàng kiện rời: (Break Bulk – BBK) là hàng hóa được xếp dỡ và giao nhận theo từng kiện.

Break Bulk (BBK): refer to cargo that is handled and delivered piece by piece separately.

5. Thiết bị hỗ trợ xếp dỡ: cẩu nổi, cẩu di động, ngáng phụ, dây cáp, …

Supporting handling equipment: floating crane, mobile crane, sub-spreader, cable, etc.

6. Tác nghiệp đặc biệt: chằng buộc, thao chằng buộc hàng hóa, móc cáp, thao/lắp gù hai bên hông hoặc trước và sau của container…

Special handlings: cargo lashing/unlashing, slings setting, side lifting/end lifting using side container lifting lugs...

7. Khối lượng toàn bộ của container: gồm vỏ container và hàng hóa đóng trong hoặc trên container được xác định theo VGM do khách hàng hoặc hãng tàu khai báo.

Gross weight of container: includes weight of tare and weight of cargo, which is secured inside/on the container, altogether are defined by Verified Gross Mass (VGM) and declared by Customers/Carriers.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng đối với container ING, OOG và hàng kiện rời được xếp, dỡ, đóng hàng, rút hàng tại Cảng container quốc tế Tân cảng Hải Phòng.

Article 2. Scope of applications

This regulation shall be applied to ING/OOG containers and break bulks loaded, discharged, stuffed, unstuffed at Tan Cang Hai Phong International Container Terminal.

Điều 3. Phân loại nhóm hàng

Article 3. Classification of laden containers:

1. Nhóm 1: là các container ING hoặc OOG có các thông số kỹ thuật như sau:

- Khối lượng toàn bộ của container < 45 tấn.
- Chiều dài lớn nhất < 12,0m.
- Chiều cao lớn nhất < 4,0m.
- Chiều rộng lớn nhất < 4,0m.

Group 1: includes ING or OOG container that have technical specifications as follows:

- *The maximum gross weight of the container is less than 45 tons.*
- *The maximum length is less than 12.0m.*
- *The maximum height is less than 4.0m.*
- *The maximum width is less than 4.0m.*

2. Nhóm 2: là những loại container sau:

a) Container ING hoặc OOG có thông số vượt quá một trong các thông số kỹ thuật của các container thuộc Nhóm 1 (được nêu ở trên).

b) Container chuyên dụng chứa hàng hóa có giá trị cao.

Group 2: includes types of containers as follows:

a) ING or OOG containers with technical specifications exceeding one of the specifications of the containers in Group 1 (as stated above).

b) Special-purpose containers of high value cargo.

Điều 4. Các quy định về hàng hóa

Article 4. Provisions of cargo

1. Hàng hóa xếp trên hoặc trong container phải cân bằng, ổn định, không bị xô lệch và được chằng buộc đúng quy cách.

Containerized cargo must be steadily stowed, balanced, and properly lashed.

2. Về cung cấp thông tin hàng hóa cho cảng:

a) Đối với container ING hoặc OOG hàng xuất: Hãng tàu hoặc khách hàng phải cung cấp cho cảng Biên bản giám định chằng buộc (*Lashing and Securing Survey Report*) trước khi đưa container vào cảng.

b) Đối với container ING hoặc OOG hàng nhập: Hãng tàu phải cung cấp cho cảng thông tin trong danh sách hàng nhập tàu, sà lan gồm:

- Kích thước chiều dài, chiều rộng, chiều cao của mã hàng xếp trên hoặc trong container.
- Kích thước quá chiều dài, quá chiều rộng, quá chiều cao của mã hàng xếp trên hoặc trong container so với kích thước container.

c) Đối với container ING hoặc OOG có một trong các đặc điểm sau thì hãng tàu hoặc khách hàng phải cung cấp hình ảnh, các chỉ dẫn và yêu cầu về xếp dỡ hàng hóa để cảng xác định khả năng tiếp nhận và phương án làm hàng:

- Khối lượng toàn bộ của container (VGM) vượt quá 45 tấn.
- Hàng hóa có ít nhất một trong 3 kích thước (Dài x Rộng x Cao) vượt quá 12m x 4.0m x 4.0m.
- Hàng hóa có quy cách đóng gói, chằng buộc đặc biệt.
- Hàng hóa có giá trị cao và dễ hư hỏng trong quá trình xếp dỡ.

Sending cargo information to terminal:

a) ING or OOG export containers: Customers/Carriers must provide Lashing and Securing Survey Report before containers are gated in.

b) ING or OOG import containers: Carriers must send details via container discharge list for vessel and barge, including:

- Length, width, and height of cargo stowed on or inside container.
- Over-length, over-width and over-height of cargo stowed on or inside container in comparison to dimensions of standard container.

c) In respect of ING or OOG containers having at least one of the following specifications, Customers/Carriers shall provide pictures, handling instructions and requirements for terminal to determine receiving possibility and handling plan:

- Gross weight of container (VGM) exceeds 45 tons.
- Cargo has at least one of three dimensions (Length x Width x Height) exceeding 12m x 4.0m x 4.0m.
- Containers have special lashing and stowage specifications.
- Cargo is of high value and can be easily damaged during handling.

3. Hãng tàu, khách hàng phải bố trí phương tiện phù hợp để giao nhận container hàng quá khổ, quá tải. Cảng có quyền từ chối việc giao nhận hàng nếu phương tiện không đảm bảo an toàn cho việc xếp dỡ và vận chuyển hàng hóa. Đối với hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hãng tàu hoặc khách hàng phải cung cấp giấy phép vận chuyển theo quy định của pháp luật khi đến cảng giao, nhận hàng.

Customers/Carriers shall provide proper vehicles for the delivery of oversize/overweight laden containers. Terminal has the right to refuse the delivery/receipt of respective containers if Customers/Carriers' vehicles do not meet safety standards for handling and transport. Regarding oversize/overweight cargo, Customers/Carriers have to submit the lawful license for transporting oversize/overweight cargo when they come to terminal for delivery of cargo.

4. Cảng có thể sử dụng cân dịch vụ hoặc cân của thiết bị xếp dỡ để xác định khối lượng toàn bộ của container hoặc khối lượng hàng hóa thực tế khi cần thiết.

Terminal may use service-request scale or handling equipment's scale to specify gross weight of container or actual weight of cargo when necessary.

5. Cảng có quyền từ chối tiếp nhận, xếp dỡ đối với container hàng quá khổ, quá tải đã được đưa về cảng để chuẩn bị xếp dỡ mà hãng tàu hoặc khách hàng không khai báo hoặc khai báo sai thông tin dẫn đến nguy cơ không đảm bảo an toàn trong quá trình xếp dỡ và vận chuyển. Trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo tiến độ làm hàng của tàu Cảng có thể sử dụng các thiết bị hỗ trợ xếp dỡ để đảm bảo an toàn trong quá trình xếp dỡ. Tuy nhiên, hãng tàu/khách hàng phải chịu các chi phí phát sinh theo Chương III của Quy định này.

Terminal has the right to refuse to receive, to handle oversize/overweight container arrived at TC-HICT for handling, of which Carriers/Customers fail to provide terminal with accurate information or did not provide any information that may lead to failure to meet safety standards for handling and transport. Upon necessary circumstances, in order to facilitate the progress of loading/discharging on/off vessels, terminal may use supporting handling equipment to ensure safety of handling. In this case, Carriers/Customers shall bear all incurred costs in accordance with the Chapter III of this Regulation.

Điều 5. Tiếp nhận và trao đổi thông tin hàng hóa

Article 5. Contact points and exchange of information.

1. Bộ phận tiếp nhận thông tin hàng hóa:

- Trung tâm Điều hành sản xuất Cảng TC-HICT
- Email:
  + chau.tm@hict.net.vn
  + dung.mt@hict.net.vn

+ operation.center@hict.net.vn
+ gen.doc@hict.net.vn
+ vsl.plan@hict.net.vn

Contact points for information of cargo:
- *Terminal Operation Center.*
- *Email:*
+ *chau.tm@hict.net.vn*
+ *dung.mt@hict.net.vn*
+ *operation.center@hict.net.vn*
+ *gen.doc@hict.net.vn*
+ *vsl.plan@hict.net.vn*

2. Bộ phận báo giá:
- Phòng Kinh doanh Cảng TC-HICT
- Email:
+ billing.office@hict.net.vn
+ huong.nth@hict.net.vn
+ chi.tk@hict.net.vn
+ diep.btn@hict.net.vn

Service tariff quotation:
- *Business Department.*
- *Email:*
+ *billing.office@hict.net.vn*
+ *huong.nth@hict.net.vn*
+ *chi.tk@hict.net.vn*
+ *diep.btn@hict.net.vn*

Chương II/*Chapter II*
QUY TRÌNH TIẾP NHẬN VÀ XẾP DỠ
PROCEDURE OF RECEIVING AND HANDLING

Điều 6. Quy trình thủ tục đối với container quá khổ, quá tải Nhóm 1
Article 6. Procedure for Oversize/Overweight Container Group 1

Đối với các container thuộc Nhóm 1, hàng hóa được xếp lên container theo đúng quy cách chất xếp và chằng buộc tốt theo quy định thì Cảng TC-HICT tiếp nhận bình thường, Hãng tàu/Khách hàng chỉ cần cung cấp thông tin theo quy định thông thường của Cảng, cụ thể như sau:

For Group 1 containers, cargoes are loaded onto the container according to the proper stacking procedures and securely fastened as required by regulations, then TC-HICT shall receive them normally. Carriers/Customers only need to provide information according to the usual TC-HICT's regulations, specifically as follows:

1. Đối với container hàng xuất:

a) Bước 1: Khách hàng khai báo thông tin kích thước và khối lượng toàn bộ của container trên trang ePort của cảng(https://eport.saigonnewport.com.vn).

b) Bước 2: Khách hàng đưa container đến cảng và thực hiện thủ tục giao nhận theo quy trình giao nhận container của cảng.

c) Bước 3: Cảng tổ chức xếp container lên tàu.

For export containers:

a) Step 1: Customers declare size and gross weight of containers via TC-HICT's ePort (http://eport.saigonnewport.com.vn).

b) Step 2: Customers shall move containers to terminal and follow the required delivery procedure of container at terminal.

c) Step 3: Terminal shall prepare loading containers on vessel.

2. Đối với container hàng nhập:

a) Bước 1: Hãng tàu khai báo thông tin kích thước và khối lượng toàn bộ của container trong Danh sách container nhập tàu (Discharge list).

b) Bước 2: Trước khi dỡ hàng khỏi tàu, Cảng kiểm tra đối chiếu thực tế lô hàng trên tàu với thông tin khai báo và tổ chức dỡ container vào bãi.

c) Bước 3: Khách hàng làm thủ tục nhận hàng theo quy trình giao nhận của cảng.

For import containers:

a) Step 1: Carriers declare size and weight of containers via discharge list of import containers (Discharge list).

b) Step 2: Before unloading containers off vessel, TC-HICT shall cross check the actual shipment on board with declared information and begin handling containers from vessel to container yard.

c) Step 3: Customers shall prepare for import procedure per delivery procedure of container at terminal.

Điều 7. Quy trình thủ tục đối với container quá khổ, quá tải Nhóm 2

Article 7. Procedure for Oversize/Overweight Container Group 2:

1. Đối với container hàng xuất:

a) Bước 1: Hãng tàu/ Khách hàng cung cấp thông tin hàng hóa cho cảng qua e-mail.

b) Bước 2: Trong vòng 24 giờ làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu và khai báo đầy đủ của hãng tàu/ khách hàng, Cảng xác định phương án làm hàng và báo chi phí xếp dỡ cho hãng tàu/ khách hàng kèm **số tham chiếu** của lô hàng. Thông tin lô hàng cùng với **số tham chiếu** được cập nhật vào hệ thống quản lý container của cảng.

c) Bước 3: Khách hàng khai báo thông tin kích thước, khối lượng, số tham chiếu của container trực tiếp tại bộ phận Thương vụ hoặc trên trang ePort và cung cấp biên bản giám định chằng buộc (*Lashing and Securing Survey Report*) trước khi đưa container vào cảng.

d) Bước 4: Khách hàng đưa container đến cảng, Cảng kiểm tra đối chiếu thực tế lô hàng trên tàu với thông tin khai báo và thực hiện thủ tục giao nhận theo quy trình giao nhận container của cảng.

e) Bước 5: Cảng thống nhất với đại diện tàu về phương án xếp hàng và tổ chức xếp container lên tàu.

For export containers:

a) Step 1: Carriers/Customers declare details of cargo via e-mail.

b) Step 2: Within 24 working hours upon receiving sufficient request and declaration from Carriers/Customers, TC-HICT shall confirm handling plan and inform Carriers/Customers handling tariffs with ***reference number*** *of the shipment. Shipment details and* ***reference number*** *shall be updated in terminal container operating system.*

c) Step 3: Customers declare size, weight, reference number of container via ePort and provide Lashing and securing survey report before bringing containers into the terminal.

d) Step 4: Customers shall move container to terminal, TC-HICT cross check the actual shipment on board with declared information and conduct the required delivery procedure of container at terminal.

e) Step 5: Terminal shall work and come to agreement with shipping agent regarding stowage plan and begin loading container on vessel.

2. Đối với container hàng nhập:

a) Bước 1: Hãng tàu cung cấp thông tin hàng hóa cho cảng qua e-mail.

b) Bước 2: Trong vòng 24 giờ làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu và khai báo đầy đủ của hãng tàu, Cảng xác định phương án làm hàng và báo chi phí xếp dỡ cho hãng tàu kèm số tham chiếu của lô hàng. Thông tin lô hàng cùng với số tham chiếu được cập nhật vào hệ thống quản lý container của cảng.

c) Bước 3: Tối thiểu 3 ngày trước thời điểm dự kiến tàu đến cảng, hãng tàu gửi cho Cảng số tham chiếu và thông tin chi tiết về lô hàng cùng sơ đồ chất xếp container trên tàu.

d) Bước 4: Khi tàu cập bến, Cảng kiểm tra đối chiếu thực tế lô hàng trên tàu với thông tin khai báo và thống nhất phương án dỡ hàng với đại diện tàu.

e) Bước 5: Cảng tổ chức dỡ hàng khỏi tàu giao thẳng lên xe khách hàng hoặc đưa vào bảo quản trong bãi.

f) Bước 6: Khách hàng làm thủ tục nhận hàng theo quy trình giao nhận của cảng.

For import containers:

a) Step 1: Carriers declare details of cargo via e-mail.

b) Step 2: Within 24 working hours upon receiving request and declaration from Carriers, TC-HICT shall confirm handling plan and inform Carriers handling tariffs with ***reference number*** *of the shipment. Shipment details and* ***reference number*** *shall be updated in terminal container operating system.*

c) Step 3: At least 3 days prior to ETA, Carriers shall send reference number and shipment information in addition to stowage plan of vessel.

d) Step 4: Upon vessel arrival, TC-HICT cross check the actual shipment on board with declared information and work and come to agreement with shipping agent regarding discharging plan.

e) Step 5: Terminal shall conduct discharging containers off vessel and move them to container yard.

f) Step 6: Customers shall conduct receiving procedure per the required delivery procedure of container at terminal.

Điều 8: Quy trình thủ tục giải quyết phát sinh so với phương án làm hàng trong quá trình xếp/ dỡ hàng.

Article 8. Procedure of undertaking arising issues comparing to handling plan during loading on/off

1. Bước 1: Cảng thông báo cho Hãng tàu/Khách hàng về các chi phí phát sinh.

2. Bước 2: Hãng tàu/Khách hàng xác nhận cho cảng chấp nhận trả các chi phí phát sinh (*trường hợp ngoài giờ hành chính, cảng sẽ chủ động thực hiện để đảm bảo tiến độ giải phóng tàu*).

3. Bước 3: Cảng lập biên bản có xác nhận của Tàu/Hãng tàu/Đại lý tàu, chụp hình, cập nhật thông tin thực tế của lô hàng vào hệ thống quản lý của Cảng.

4. Bước 4: Cảng cung cấp biên bản, hình ảnh cho Hãng tàu/Khách hàng sau khi kết thúc xếp dỡ tàu/ sà lan để làm cơ sở thanh quyết toán.

1. Step 1: Terminal shall inform Carriers/Customers of incurred costs.

2. Step 2: Carriers/Customers shall confirm paying all incurred costs (In case out office hours, terminal shall proceed with handling in order to ensure vessel release progress).

3. Step 3: TC-HICT shall prepare memorandum signed off by Carriers/Shipping Agents, take picture and update relevant information into terminal container operaing system.

4. Terminal shall provide Carriers/Customers with memorandum and pictures upon completion of handling from vessel/barge for payment process afterwards.

Chương III/ *Chapter III*
GIÁ DỊCH VỤ XẾP DỠ VÀ CÁC CHI PHÍ PHÁT SINH
HANDLING CHARGES AND INCURRED COSTS

Điều 9. Giá dịch vụ xếp dỡ nguyên container hàng Tàu – Bãi Cảng
Article 9. Handling charges of laden container between Vessel – Container Yard

1. Xếp dỡ nguyên container hàng Nhóm 1: Giá dịch vụ xếp dỡ căn cứ theo biểu giá hiện hành của Cảng hoặc theo hợp đồng giữa cảng với hãng tàu.

Handling charges of laden container of Group 1: Handling charges shall be based on the prevailing public tariffs of TC-HICT or terminal contract between the TC-HICT and Carrier.

2. Xếp dỡ nguyên container hàng Nhóm 2 (đối với container ING hoặc OOG mà Cảng có thể tiếp nhận được): Giá dịch vụ xếp dỡ căn cứ theo biểu giá hiện hành của Cảng hoặc theo hợp đồng giữa Cảng với hãng tàu.

Handling charges of laden container of Group 2 (for ING or OOG container that terminal can handle): Handling charges shall be based on the prevailing public tariffs of TC-HICT or terminal contract between the TC-HICT and Carrier.

3. Xếp dỡ container chuyên dụng chứa hàng hóa có giá trị cao: Giá dịch vụ xếp dỡ được thỏa thuận theo phương án cụ thể và theo từng lô hàng.

Handling special-purpose containers that contain high value cargo: handling charge shall be defined on a negotiation basis depending on the specific case and particular shipment.

4. Xếp dỡ cho các trường hợp khác (do lệch tải, hư hỏng hàng, hư hỏng container, … không thể xếp dỡ theo phương án nguyên container (OOG) mà phải xếp dỡ theo dạng (BBK): Giá dịch vụ xếp dỡ được thỏa thuận theo phương án cụ thể và theo từng lô hàng.

Other handling charges (In case of due to weight imbalance, damaged cargo, or damaged containers… that the containers and cargo inside cannot be handled

altogether (OOG) but separately as BBK): Handling charges will be defined on a negotiation basis depending on the specific case and particular shipment.

Điều 10. Phí phát sinh do khai báo sai thông tin hàng hóa hoặc không thực hiện đúng theo yêu cầu giao nhận tại cảng.

Article 10. Cost quotation due to declaration of inaccurate information of cargo or misconduct of delivery requirement at terminal:

Trường hợp hãng tàu/khách hàng không khai báo hoặc khai báo không chính xác một trong các thông số của hàng hóa: chiều dài, chiều rộng, chiều cao hoặc trọng lượng, bên cạnh giá xếp dỡ quy định tại Điều 9, cảng sẽ thu thêm phụ phí phát sinh do khai báo thiếu/sai thông tin bằng 50% giá tại Điều 9.

In case Carriers/Customers do not submit information or fail to provide TC-HICT with each of accurate cargo dimensions: length, width, height, or weight, besides handling charges defined in Article 9, TC-HICT will collect an additional extra cost of 50% cost in Article 9.

Điều 11. Các trường hợp sang hàng tại bãi cảng.

Article 11. Cases of unstuffing/stuffing cargo from one container to another container at yard.

Căn cứ vào tình hình thực tế của cảng (tàu, bãi, phương tiện), Cảng sẽ hỗ trợ và gửi giá dịch vụ đến Hãng tàu/Khách hàng theo từng trường hợp cụ thể.

Based on the actual situation of the terminal (vessel, container yard, equipment), TC-HICT shall support and inform the service charges to Carriers/Customers for particular case.

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CẢNG CONTAINER QUỐC TẾ TÂN CẢNG HẢI PHÒNG

AKIRA KURITA

Nơi nhận:
Recipient:
- Ban TGĐ (để b/c);
BOD (for report);
- Các phòng ban, đội liên quan;
Relevant departments, units;
- Lưu: VT, TTĐHSX, T03.
Archive: filling, OC, T03.